

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2026/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc

thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

5. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định xây dựng, bố trí lực lượng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

c) Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Công an, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

Tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /2026/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí ở ấp, khóm, khu phố thuộc xã, phường; mỗi ấp, khóm, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Đối với ấp, khóm, khu phố có từ 4.000 nhân khẩu trở lên: bố trí 04 thành viên/01 Tổ, gồm Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên.

b) Đối với các ấp, khóm, khu phố còn lại không thuộc điểm a khoản này: bố trí 03 thành viên/01 Tổ, gồm Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

c) Đối với các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có số lượng thành viên vượt quá tiêu chí quy định tại điểm a, b khoản này, được tiếp tục bố trí số lượng như hiện có và thực hiện lộ trình sắp xếp, tinh giản như sau: Đảm bảo kể từ năm 2027, mỗi năm thực hiện giảm ít nhất 50% số lượng thành viên dôi dư; hoàn thành công tác tinh giản chậm nhất đến ngày 15 tháng 12 năm 2028.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng:

a) Tổ trưởng: 2.200.000 đồng/người/tháng.

b) Tổ phó: 2.000.000 đồng/người/tháng.

c) Tổ viên: 1.800.000 đồng/người/tháng.

d) Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự giữ nhiều chức danh khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ/phụ cấp/trợ cấp thường xuyên hàng tháng cao nhất trong các chức danh đảm nhiệm.

2. Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế hàng năm.

b) Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

c) Trường hợp người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo điểm a, b khoản này hoặc đã được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội do ngân sách Nhà nước chi trả theo quy định pháp luật thì không được hưởng chế độ hỗ trợ tương ứng theo quy định tại điểm a và b khoản này.

Điều 5. Chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền

1. Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ca (01 ca từ đủ 04 giờ trở lên); trường hợp 01 ca dưới 04 giờ thì chi theo số giờ thực tế phát sinh, với định mức là 25.000 đồng/giờ; tối đa 10 ca/tháng.

2. Khi làm nhiệm vụ vào ngày nghỉ, ngày lễ thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng bằng 180.000 đồng/người/ngày (01 ngày làm việc từ đủ 08 giờ); trường hợp 01 ngày làm việc dưới 08 giờ thì chi theo số giờ thực tế phát sinh, với định mức là 25.000 đồng/giờ; tổng số giờ làm việc ngoài giờ tối đa thực hiện theo quy định pháp luật về lao động hiện hành.

3. Khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ được hưởng mức tiền bồi dưỡng 32.000 đồng/người/ngày.

4. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi

duỡng ngày công lao động bằng 25.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 10 ngày/người/tháng.

Điều 6. Trợ cấp đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm xã hội, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương được hỗ trợ 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo danh mục thuộc phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế quy định; hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chết khi thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đã tham gia bảo hiểm xã hội nhưng chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí thì thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất một lần bằng 2,0 lần mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn; thân nhân hoặc tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 10 lần mức lương cơ sở.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.